

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC HUNG HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC HUNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUOC HUNG HA NOI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUOC HUNG HA NOI GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110092980

3. Ngày thành lập: 16/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 04 ,ngõ 550, đường Bạch Đằng, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 090 8567627

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện lạnh, hệ thống điều hòa trong các tòa nhà, hệ thống lạnh cho nhà xưởng, khu công nghiệp (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng gas lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn túi xách các loại. Bán buôn nước rửa tay, gel diệt khuẩn. Bán buôn và xuất nhập khẩu khẩu trang các loại	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn băng tải thang máy. Bán buôn các loại băng chuyền, dây curoa. bán buôn nồi hơi, thiết bị nồi hơi, phụ tùng nồi hơi và máy bơm nước. Bán buôn bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động, các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế, salon các loại. Bán buôn và xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị y tế	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất độc hại và không tồn trữ hóa chất tại trụ sở). Bán buôn các loại máy móc linh kiện các ngành công nghiệp. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
17.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
19.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (trừ hoạt động của sân nhảy, vũ trường).	9311
20.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
22.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới bất động sản.	6820
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ thiết kế công trình xây dựng, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).	7110
24.	Quảng cáo	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, ngoại thất công trình.	7410
27.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710

29.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	0810
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không chế biến tại trụ sở chính).	1020
31.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai khác (không hoạt động tại trụ sở)	1104
32.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất khẩu trang các loại (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở, không gia công hàng đã qua sử dụng và trừ tái chế phế thải, luyện cán cao su tại trụ sở).	1392
33.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại băng chuyền, băng tải, dây curoa (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	1399
34.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1410
35.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không hoạt động tại trụ sở).	1512
36.	Sản xuất giày, dép (không hoạt động tại trụ sở).	1520
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	1622
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	1629
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất các loại băng chuyền, băng tải, dây curoa; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (không hoạt động tại trụ sở)	2219
40.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ luyện cán cao su, tái chế phế thải, thuộc da, trừ sản xuất xếp cách nhiệt, sử dụng ga r141b tại trụ sở) (trừ tái chế phế thải nhựa)	2220
41.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2511
42.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại . Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cách nhiệt, thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2512
43.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) Chi tiết: Sản xuất lò hơi hoặc lò hơi nước khác. Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: bộ phận góp hơi và tích lũy (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2513

44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2599
46.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (không hoạt động tại trụ sở).	2812
47.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung Chi tiết: Sản xuất lò hấp, lò đốt, sản xuất thiết bị máy cơ khí đồ lò, lò sưởi, máy phóng điện (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2815
48.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: - Sản xuất máy móc nâng, bốc dỡ, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như: + Puli ròng rọc, cần trục, tời, + Cần trục, cần trục to, khung nâng di động... + Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong các nhà máy, + Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ. - Sản xuất máy nâng, cầu thang tự động và chuyển bằng cầu thang bộ; - Sản xuất các bộ phận đặc biệt cho các thiết bị nâng và vận chuyển. (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2816
49.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất băng tải thang máy (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2824
50.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính).	2825
51.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2826
52.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất nước đá (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	2829
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
55.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
56.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
57.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
58.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản).	5210

60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành giày da, ngành dầu khí, ngành in.	7730
61.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).	7830
62.	Đại lý du lịch	7911
63.	Điều hành tua du lịch	7912
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và các công trình dân dụng, công nghiệp	8129
66.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính).	3092
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	3100
68.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính).	3230
69.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa máy móc và thiết bị ngành công nghiệp (trừ xử lý, tráng phủ xi mạ kim loại)	3312
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
71.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá (không sản xuất, gia công tại trụ sở)	3530
72.	Xây dựng nhà để ở	4101
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
77.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
78.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
79.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
80.	Xây dựng công trình thủy	4291
81.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Phá dỡ	4311

85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	4321
87.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế, salon các loại.	4759
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ và xuất nhập khẩu dụng cụ, thiết bị y tế. Bán lẻ và xuất nhập khẩu khẩu trang các loại	4771
89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế. Bán lẻ khẩu trang các loại.	4772
90.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 50.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY QUỐC HUNG	Số 731, Bùi Văn Hòa, Khu phố 7, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000. 000	120.000.000.00 0	24,000	3702613115	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	12.000. 000	120.000.000.00 0	24,000		
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC HUNG	98 Nguyễn Hữu Tiến, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0315762636	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.500. 000	255.000.000.00 0	51,000		
			Cổ phần phổ thông	25.500. 000	255.000.000.00 0	51,000		

3	NGUYỄN THỊ HUYỀN	17 ngách 87/3 Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000.000	100.000.000.000	20,000	001189010395
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000.000	100.000.000.000	20,000	
4	NGUYỄN ĐỨC TÂM	P411 Nhà N1ab THNC, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	5,000	0010910227946
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/09/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024080001300

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, KP Vườn Dừa, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 14, KP Vườn Dừa, Phường Phước Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội